

Số: /QĐ-SYT

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Cấp Giấy phép hoạt động, phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật và danh sách đăng ký hành nghề đối với
Trạm Y tế phường Lưu Kiếm
(thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thủy Nguyên)**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh ;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Biên bản thẩm định ngày 10/06/2025 của Đoàn thẩm định thành lập theo Quyết định 610/QĐ-SYT ngày 07/05/2025 của Giám đốc Sở Y tế Hải Phòng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý hành nghề Y dược tư nhân, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thông tin như sau:

- Tên cơ sở khám, chữa bệnh: Trạm Y tế phường Lưu Kiếm (thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thủy Nguyên);

- Địa chỉ: Tổ dân phố Chợ Tổng, phường Lưu Kiếm, Thành phố Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng;

- Hình thức tổ chức: Trạm Y tế.

- Số GPHE: 000853/HP-GPHE do Sở Y tế thành phố Hải Phòng cấp;

- Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Y sỹ Đào Thị Liêm

Số CCHN: 001137/HP-CCHN do Sở Y tế Hải Phòng cấp ngày 26/03/2019;

- Thời gian hoạt động: 24/24 giờ.

Điều 2. Phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật và danh sách đăng ký hành nghề tại cơ sở:

- Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện các danh mục kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt và thực hiện các chức năng nhiệm vụ của Trạm Y tế

- Danh mục kỹ thuật: Được thực hiện 45 danh mục kỹ thuật theo Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế (*chi tiết theo Phụ lục 01 kèm theo*).

- Danh sách đăng ký hành nghề tại cơ sở (*chi tiết theo Phụ lục 02 kèm theo*).

Trạm Y tế phường Lưu Kiếm (thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thủy Nguyên) có trách nhiệm tổ chức, triển khai hoạt động theo phạm vi hoạt động chuyên môn đã được phê duyệt, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà): Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng phòng chuyên môn: Quản lý hành nghề Y dược tư nhân, Nghiệp vụ Y, Thanh tra Sở Y tế, Phòng Y tế thành phố Thủy Nguyên và người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật Trạm Y tế phường Lưu Kiếm (thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thủy Nguyên) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

- GD và PGD Trần Quốc Trinh;

- Phòng TCHC (để đăng tải lên cổng TTĐT);

- Lưu: VT, QLHN (02).

GIÁM ĐỐC

Lê Minh Quang

**PHỤ LỤC 01: PHÊ DUYỆT DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN MÔN
THỰC HIỆN TẠI TRẠM Y TẾ PHƯỜNG LƯU KIỂM (THUỘC TRUNG TÂM
Y TẾ THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN)**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SYT ngày tháng năm 2025 của Sở Y tế
Hải Phòng)

STT	STT THEO TT 23/2024/TT- BYT	MÃ KỸ THUẬT	TÊN CHƯƠNG	TÊN KỸ THUẬT
1	2	3	4	5
1	64	1.64	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em
2	158	1.158	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản
3	160	1.160	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang
4	215	1.215	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa
5	223	1.223	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Đặt ống thông hậu môn
6	269	1.269	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Băng ép bất động sơ cứu rắn cắn
7	270	1.270	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Ga rô hoặc băng ép cầm máu
8	275	1.275	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Băng bó vết thương
9	276	1.276	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương
10	277	1.277	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng
11	281	1.281	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)
12	252	1,252	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch
13	403	2.1	02. NỘI KHOA	Bóp bóng ambu qua mặt nạ
14	741	2.339	02. NỘI KHOA	Thụt tháo phân
15	1226	3.105	03. NHI KHOA	Thở ngạt
16	1233	3.112	03. NHI KHOA	Cố định lồng ngực do chấn thương gây xương sườn
17	3505	3.2387	03. NHI KHOA	Tiêm trong da

STT	STT THEO TT 23/2024/TT- BYT	MÃ KỸ THUẬT	TÊN CHƯƠNG	TÊN KỸ THUẬT
18	3506	3.2388	03. NHI KHOA	Tiêm dưới da
19	3507	3.2389	03. NHI KHOA	Tiêm bắp thịt
20	3363	3.2245	03. NHI KHOA	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ
21	4945	3.3827	03. NHI KHOA	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm
22	5364	3.4246	03. NHI KHOA	Tháo bột các loại
23	5944	8.9	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu
24	5945	8.10	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Chích lễ
25	5961	8.26	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Bó thuốc
26	5962	8.27	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Chườm ngải
27	13358	13.33	13. PHỤ SẢN	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm
28	13359	13.34	13. PHỤ SẢN	Cắt và khâu tầng sinh môn
29	13492	13.167	13. PHỤ SẢN	Làm thuốc âm đạo
30	13365	13.40	13. PHỤ SẢN	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn
31	13490	13.165	13. PHỤ SẢN	Khám phụ khoa
32	13366	13.41	13. PHỤ SẢN	Khám thai
33	13803	14.200	14. MẮT	Lấy dị vật kết mạc
34	13809	14.206	14. MẮT	Bơm rửa lệ đạo
35	13810	14.207	14. MẮT	Trích chắp, lẹo, nang lông mi; trích áp xe mi, kết mạc
36	13814	14.211	14. MẮT	Rửa cùng đồ
37	13863	14.260	14. MẮT	Đo thị lực
38	13968	15.56	15. TAI MŨI HỌNG	Chọc hút dịch vành tai

STT	STT THEO TT 23/2024/TT- BYT	MÃ KỸ THUẬT	TÊN CHƯƠNG	TÊN KỸ THUẬT
39	13969	15.57	15. TAI MŨI HỌNG	Trích nhọt ống tai ngoài
40	14134	15.222	15. TAI MŨI HỌNG	Khí dung mũi họng
41	14213	15.301	15. TAI MŨI HỌNG	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ
42	14216	15.304	15. TAI MŨI HỌNG	Trích áp xe nhỏ vùng đầu cổ
43	14741	17.11	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Điều trị bằng tia hồng ngoại
44	14783	17.53	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập vận động có trợ giúp
45	16301	21.13	21. THĂM DÒ CHỨC NĂNG	Nghiệm pháp dây thắt

**PHỤ LỤC 02: PHÊ DUYỆT DANH SÁCH ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ KHÁM
BỆNH, CHỮA BỆNH TẠI TRẠM Y TẾ PHƯỜNG LƯU KIỂM (THUỘC
TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN)**

STT	Họ và tên	Số giấy phép hành nghề/Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
1	Hoàng Ngọc Huy	012905/HP-CCHN	KB,CB đa khoa tại trạm y tế, KB,CB nội khoa	8h/ngày (từ 7 giờ đến 17 giờ), 5 ngày/tuần (thứ 2-thứ 6) và trực theo phân công	Bác sĩ- Trạm trưởng		
2	Đào Thị Liêm	001137/HP-CCHN	Theo quy định tại TT liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định mã số , tiêu chuẩn, chức danh, nghề nghiệp, bác sỹ, bác sỹ dự phòng, y sỹ ./.	8h/ngày (từ 7 giờ đến 17 giờ), 5 ngày/tuần (thứ 2-thứ 6) và trực theo phân công	Y sỹ – người chịu trách nhiệm chuyên môn		
3	Đặng Thị Bón	001140/HP-CCHN	KB,CB sản nhi tại Trạm y tế	8h/ngày (từ 7 giờ đến 17 giờ), 5 ngày/tuần (thứ 2-thứ 6) và trực theo phân công	Y sỹ định hướng sản nhi		
4	Phùng Thị Thu Huyền	007197/HP-CCHN	Theo QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch điều dưỡng	8h/ngày (từ 7 giờ đến 17 giờ), 5 ngày/tuần (thứ 2-thứ 6) và trực theo phân công	Điều dưỡng		
5	Phạm Thị Liên Thảo	000427/HP-GPHN	Y học dự phòng	8h/ngày (từ 7 giờ đến 17 giờ), 5 ngày/tuần (thứ 2-thứ 6) và trực theo phân công	Bác sĩ y học dự phòng		

6	Hoàng Thị Sim	007696/HP-CCHN	Theo QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của BNV ngạch điều dưỡng	8h/ngày (từ 7 giờ đến 17 giờ), 5 ngày/tuần (thứ 2-thứ 6) và trực theo phân công	Điều dưỡng		
7	Đinh Thị Hoi	007691/HP-CCHN	Theo TT 12/2011/TT-BYT ngày 15/03/2011 của BHYT ngạch hộ sinh	8h/ngày (từ 7 giờ đến 17 giờ), 5 ngày/tuần (thứ 2-thứ 6) và trực theo phân công	Nữ hộ sinh		
8	Lê Thị Huyền Nhi	013448/HP-CCHN	Theo quy định tại TT liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BHYT, BNV quy định mã số , tiêu chuẩn, chức danh, nghề nghiệp, bác sỹ, bác sỹ dự phòng, y sỹ	8h/ngày (từ 7 giờ đến 17 giờ), 5 ngày/tuần (thứ 2-thứ 6) và trực theo phân công	Y sỹ		
9	Hoàng Công Tùng	006090/HP-CCHN	Theo quy định tại TT liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV	8h/ngày (từ 7 giờ đến 17 giờ), 5 ngày/tuần (thứ 2-thứ 6) và trực theo phân công	Y sỹ		